

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CUM'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 43/2021/DSST

Ngày 29/7/2021

V/v: *Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền Diệu

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Hồng Châu
2. Bà Bùi Thị Hà

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CuM'Gar

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CuM'gar tham gia phiên tòa: Trần Thị Ngọc Oanh – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 7 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Cu M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 129/2021/TLST - DS ngày 23 tháng 3 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2021/QĐXXST- DS ngày 24 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2021/QĐST – DS ngày 12 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng C

Địa chỉ: Tòa nhà C- Bán đảo L, phường H, quận M, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Y S Niê – có đơn xét xử vắng mặt

Chức Vụ: Phó giám đốc phòng giao dịch huyện C – Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Đăklăk.

2. Bị đơn: Ông Trương Minh T và bà Trịnh Thị L – vắng mặt
Cùng địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đăklăk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình tiến hành tố tụng đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn ông Y S Niê trình trình bày:

Ngày 28/8/2015 Ngân hàng C (ngân hàng) đã cho hộ bà Trịnh Thị L và ông Trương Minh T vay số tiền 12.000.000 đồng là vốn của chương trình Nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn, thời hạn vay 60 tháng, kỳ hạn trả nợ 06 tháng/ lần, hạn trả cuối cùng ngày 28/8/2020, lãi suất trong hạn là 0.75%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn, lãi trả định kỳ hàng tháng vào ngày 18, trong quá trình vay ông T và bà L đã trả được 5.230.478 đồng tiền lãi, đến nay còn nợ 12.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất phát sinh 1.255.522 đồng tạm tính đến ngày 28/8/2021.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà Trịnh Thị L và ông Trương Minh T không có mặt làm việc nên không công khai chứng cứ và hòa giải giữa ngân hàng với ông T và bà L được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar phát biểu ý kiến:

- *Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán:* Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa:* Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Đối với đương sự:*

Nguyên đơn: Thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70; Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn: không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70; Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự, bà Trịnh Thị L và ông Trương Minh T không tham gia tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 107, Điều 471; Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Trịnh Thị L và ông Trương Minh T có nghĩa vụ trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc là 12.000.000đ và tiền lãi phát sinh đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền vay theo Hợp đồng tín dụng.

Về án phí: Bà Trịnh Thị L và ông Trương Minh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Trịnh Thị L và ông Trương Minh T trả 12.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất phát sinh là

tranh chấp hợp đồng tín dụng. Trong sổ vay vốn thể diện địa chỉ của bà Trịnh Thị L và ông Trương Minh T cư trú tại Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắklăk, qua xác minh tại Công an xã E thể hiện ông T và bà L có đăng ký nhận khẩu thường trú tại địa chỉ trên nên căn cứ vào theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CưMgar, tỉnh Đắklăk.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn bà Trịnh Thị L và ông Trương Minh T vắng mặt không có L do, đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về pháp luật áp dụng: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam xác lập hợp đồng tín dụng với bà Trịnh Thị L thể hiện qua sổ vay vốn, giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 26/8/2015, sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay, thu nợ, dư nợ ngày 28/8/2015. Căn Điều 688 Bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định và điều luật của Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết vụ án.

[4] Về nội dung: Bà Trịnh Thị L có vay của ngân hàng số tiền 12.000.000đ thể hiện qua sổ vay vốn, giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 26/8/2015, sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay, thu nợ, dư nợ ngày 28/8/2015. Như vậy, việc bà Trịnh Thị L vay vốn 12.000.000 đồng của ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ Luật dân sự năm 2005. Đến thời hạn trả nợ 18/8/2020 nhưng bà Trịnh Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền gốc lãi theo thỏa thuận và cam kết trong hợp đồng mặc dù ngân hàng đã nhắc nhở, đôn đốc. Như vậy, bà Trịnh Thị L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ, phù hợp với Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 474 bộ luật dân sự 2005. Từ những căn cứ và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc của nguyên đơn. Buộc bà Trịnh Thị L phải có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng số tiền nợ gốc là 12.000.000đ theo quy định của pháp luật.

[5] Về lãi suất: Theo sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay, thu nợ, dư nợ ngày 18/8/2015, lãi suất 0,75%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 0,975%/tháng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi suất là 0,75%/tháng kể từ ngày vay 28/8/2015 để tính lãi đối với khoản vay 12.000.000 đồng tính đến ngày 29/7/2021. Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận cụ thể lãi suất phát sinh được tính như sau:

- Từ ngày 28/8/2015 đến ngày 29/7/2021 là:

$12.000.000 \text{ đồng} \times 2162 \text{ ngày} \times 0,75\% : 30 = 6.486.000 \text{ đồng}.$

Đã trả được 5.230.478 còn 1.255.522 đồng

Tổng số tiền mà bị đơn bà L có có trách nhiệm trả cho ngân hàng là 13.255.522 đồng. Trong đó: nợ gốc là 12.000.000 đồng, tiền lãi suất phát sinh là 1.255.522 đồng. Tiếp tục tính lãi suất phát sinh theo như thỏa thuận hai bên đã ký kết từ ngày 30/7/2021 cho đến khi bà L trả hết nợ.

Đối với ông Trương Minh T là người thừa kế khoản tiền vay. Mục đích vay để làm nhà vệ sinh và công trình nước sạch phục vụ cho hộ gia đình. Việc ông Trương Minh T ủy quyền cho bà Trịnh Thị L đại diện hộ gia đình ký kết hợp đồng vay vốn là phù hợp với khoản 2 Điều 107 bộ luật dân sự 2005.

Tại khoản 2 Điều 107 Bộ luật dân sự 2005 quy định “ *Giao dịch dân sự do người đại diện của hộ gia đình xác lập, thực hiện vì lợi ích chung của hộ làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cả hộ gia đình.* ”

Vì vậy, cần buộc ông Trương Minh T liên đới bà Trương Thị L trả nợ số tiền 13.255.522 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 107, 471, 474 Bộ luật dân sự 2005.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên Trương Minh T và bà Trịnh Thị L phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, cụ thể: $13.255.522đ \times 5\% = 662.776đ$

Ngân hàng thuộc diện được miễn tiền tạm ứng án phí nên không trả lại tiền tạm ứng án phí cho ngân hàng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 1 điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 107; Điều 471, 474 Bộ luật dân sự 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng

- Áp dụng khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C

Buộc ông Trương Minh T và bà Trịnh Thị L liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền 13.255.522 đồng, trong đó 12.000.000 đồng tiền gốc 1.255.522 đồng tiền lãi suất phát sinh.

Ông Trương Minh T và bà Trịnh Thị L tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết đối với khoản nợ gốc 12.000.000 đồng kể từ ngày 30/7/2021 cho đến khi trả xong nợ.

**** Về án phí dân sự sơ thẩm:***

- Ông Trương Minh T và bà Trịnh Thị L liên đới phải chịu 662.776 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện Cư M'gar;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VPCQ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Huyền Diệu